TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09** /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 01 – 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thái.

2. Bà Phan Thị Bích .

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Phương T, sinh ngày: 16/3/1996, căn cước công dân số: 060196000974, địa chỉ: Tổ dân phố B T, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh Đ, sinh ngày: 29/12/1994, căn cước công dân số: 060094006076, địa chỉ: Tổ dân phố H T, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2025, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Phương T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Anh Đ tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2016, được UBND phường T, thị xã L (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2016, ngày 30/6/2016. Bà T và ông Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày: 05/6/2016 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày: 21/4/2022.

Do ông Đ đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên sau khi kết hôn, bà T tiếp tục sống tại nhà cha, mẹ bà T. Đến năm 2020, bà T và ông Đ sống chung với nhau tại nhà cha, mẹ ông Đ tại tổ dân phố H T, phường L, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sống chung, do phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung về mọi mặt của cuộc sống, nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đến tháng 07/2025, bà T đã quyết định sống ly thân, đưa con về sống chung với cha, mẹ tại tổ dân phố B T, phường L, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay.

Mâu thuẫn chủ yếu là do ông Đ thường xuyên sử dụng rượu, bia, đập phá tài sản, có hành vi bạo lực gia đình đối với bà T, không quan tâm đến gia đình, không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con. Từ khi ly thân cho đến nay, ông Đ ít quan tâm, chăm sóc con chung. Bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Anh Đ; giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày: 05/6/2016 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày: 21/4/2022 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Anh Đ trình bày:

Ông Đ xác định cuộc sống vợ chồng ông và bà T không phát sinh mâu thuẫn gì lớn. Hiện nay, ông Đ và bà T đã không sống chung với nhau, bà T đã chuyển về nhà cha mẹ ruột bà T để sinh sống. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Trường hợp nếu ông và bà T ly hôn thì ông đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày: 05/6/2016 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày: 21/4/2022 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tống đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đủ điều kiện để giải quyết ly hôn, trên cơ sở trình bày của các bên đương sự, kết quả xác minh của Tòa án, nhận thấy cần giao con chung Nguyễn Phương N và Nguyễn Anh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Trần Thị Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Anh Đ, giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày: 05/6/2016 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày: 21/4/2022 cho bà Trần Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Anh Đ có nơi cư trú tại tổ dân phố H, T, phường L, tỉnh Lâm Đồng nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bà Trần Thị Phương T và ông Nguyễn Anh Đ, bà T và ông Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3] Bà T trình bày bà và ông Đ phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung về mọi mặt trong cuộc sống. Bà T nhận thấy hôn

nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Đ thừa nhận vợ chồng ông hiện nay không sống chung với nhau, bà T đã chuyển về nhà cha mẹ bà T để sinh sóng. Kết quả xác minh do Tòa án thực hiện cho thấy vợ chồng bà T và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vấn đề về kinh tế của gia đình, bà T và ông Đ đã không sống chung với nhau khoảng 03 năm nay.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho* ***hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được***"; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: "*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ:* ***vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân****, bỏ mặc vợ hoặc chồng"*. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Bà T đề nghị giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày: 05/6/2016 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày: 21/4/2022 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ trình bày nếu ông và bà T ly hôn thì ông đồng ý giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Phương N có ý kiến muốn được sống chung với mẹ. Từ thời điểm bà T và ông Đ sống ly thân cho đến nay, cháu N và cháu K đang sinh sống và học tập ổn định cùng với bà T. Mặt khác, thời gian cháu N và cháu K sống cùng bà T thì bà T vẫn đảm bảo việc trông nom, chăm sóc cháu N và cháu K đầy đủ. Trên cơ sở quyền lợi về mọi mặt của con chung, điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Nguyễn Phương N và cháu Nguyễn Anh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù

hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

[6] Bà Trần Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 3 Điều 4, khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương T ly hôn với ông Nguyễn Anh Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày: 05/6/2016 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày: 21/4/2022 cho bà Trần Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Bà Trần Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Biên lai thu số 0005922, ngày 21/10/2025.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ/
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Phú